

TÍNH CHỦ ĐỘNG GIAO TIẾP VỚI CHA MẸ CỦA THIẾU NIÊN

○ ThS. VŨ THỊ KHÁNH LINH*

1. Gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của trẻ, bởi: cha mẹ là những người tiếp xúc với trẻ thường xuyên, lâu dài, là cầu nối chuyển giao nền văn hóa xã hội tới trẻ thông qua *giao tiếp* (GT). Việc GT với cha mẹ không chỉ để thỏa mãn nhu cầu tình cảm mà còn là một phương thức giúp trẻ tiếp nhận nền văn hóa nhân loại. Trong quá trình GT, trẻ được soi mình vào cha mẹ, qua đó tích lũy kinh nghiệm, chuẩn mực xã hội, biến thành vốn sống, vốn hiểu biết của mình. Vì thế, trẻ càng chủ động, tích cực GT bao nhiêu, sự phát triển tâm lý, nhân cách diễn ra nhanh chóng bấy nhiêu.

Lứa tuổi thiếu niên (TN) là giai đoạn chuyển tiếp, quá độ từ tuổi thơ lên tuổi trưởng thành, bởi vậy, có sự chuyển biến rất lớn về thể chất cũng như tâm lý, xã hội... Nét tâm lý nổi bật nhất của lứa tuổi TN đó là sự thay đổi trong GT với người lớn và các bạn cùng tuổi. Các em có thể dễ dàng trò chuyện với bạn bè nhưng lại gặp nhiều trở ngại trong GT với cha mẹ, dù cho cha mẹ vẫn là những người hàng ngày chăm sóc, nuôi nấng, giáo dục các em. Việc GT giữa con cái và cha mẹ ngày càng bị hạn chế (về thời gian cũng như nội dung GT) khiến sự hiểu biết của cha mẹ về con cái ngày càng thêm khoảng cách. Đây cũng chính là nguyên nhân của tình trạng trẻ vi phạm pháp luật và những hành vi lệch chuẩn ngày càng gia tăng.

Để khảo sát thực trạng và mức độ chủ động GT của trẻ đối với cha mẹ, năm học 2010-2011, chúng tôi đã tiến hành điều tra 503 học sinh (HS) lớp 7, 8, 9 của 5 trường THCS: Trần Đăng Ninh; Nam Hồng; Nam Phong (TP. Nam Định); Nga Sơn (Thanh Hóa), Lômônôxốp (Hà Nội). Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và phân tích chân dung một số ca điển hình. *Tính chủ động giao tiếp* (TCDGT) là một trong bốn tiêu chí để tìm hiểu về tính tích cực GT của TN với cha mẹ. Đây cũng là 4 nội dung được

thiết kế trong mẫu phiếu tìm hiểu về tính tích cực GT. Căn cứ vào thang điểm quy ước, chúng tôi chia thành 3 mức: cao, trung bình và thấp.

2. Kết quả nghiên cứu

1) *TCD trong GT của TN với cha mẹ* (kết quả trình bày ở bảng 1).

Bảng 1. TCDGT với cha, mẹ của TN

Mức độ TCDGT	TCDGT với mẹ		TCDGT với cha	
	SL	%	SL	%
Thấp	204	40,6	224	45,5
Trung bình	141	28,0	147	29,9
Cao	158	31,4	121	24,6
Tổng chung	503	100,0	492	100,0
ĐTB	1,91		1,79	

Bảng 1 cho thấy, nhìn chung TCDGT với cha, mẹ của TN chỉ ở mức độ trung bình ($\bar{X} = 1,91$ với mẹ, $\bar{X} = 1,79$ với cha) nhưng có sự khác biệt về mức độ TCDGT của con với cha và mẹ, trong đó, trẻ có phần chủ động GT với mẹ hơn so với cha ($\bar{X} = 1,91 > 1,79$).

Tìm hiểu sự phân bố tỉ lệ từng mức độ của TCDGT, chúng tôi nhận thấy, đa số TN tự đánh giá (TĐG) thuộc hai nhóm mức độ «trung bình» và «cao» (hơn 55,0% với cả mẹ và cha). Tỉ lệ TN có TCDGT ở «mức thấp» là 40,6% đối với mẹ và 45,5% đối với cha. TN có TCDGT với mẹ ở «mức cao» chiếm tỉ lệ lớn hơn so với cha (31,4% so với 24,6%). Ngược lại, TN có TCDGT ở «mức thấp» với cha lại chiếm tỉ lệ lớn hơn so với mẹ (40,6% so với 45,5%). Tỉ lệ TCDGT ở «mức trung bình» của TN với cha và mẹ tương đối cân bằng (28,0% và 29,9%).

Để đánh giá một cách đầy đủ hơn về TCDGT của TN với cha và mẹ, chúng tôi phân tích sự khác biệt giữa các mức độ của TCDGT giữa các nhóm HS theo các tiêu chí: giới, học lực, khối lớp, trường, thứ tự con trong gia đình. Kết quả:

* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

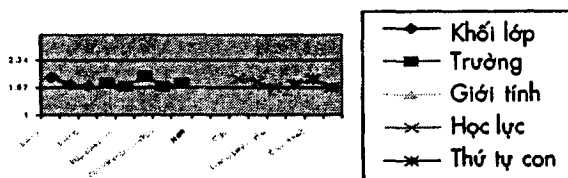


2) *Tính chủ động giao tiếp với mẹ*
Bảng 2. TCDGT của TN với mẹ
 (xét theo các tiêu chí)

Các tiêu chí		TCDGT của TN với mẹ				
		Mức thấp	Mức TB	Mức cao	Tổng	
Lớp	Lớp 7	40,8	27,2	32,0	147	100,0
	Lớp 8	41,6	26,9	31,5	219	100,0
	Lớp 9	38,7	30,7	30,7	137	100,0
Trường	Nam Hồng	39,4	28,3	32,3	99	100,0
	Nga Sơn	37,1	39,0	23,8	105	100,0
	Nam Phong	37,4	24,2	38,4	99	100,0
	Lômônôxốp	42,3	29,9	27,8	97	100,0
	Trần Đăng Ninh	46,6	18,4	35,0	103	100,0
Giới	Nam	40,9	27,3	31,8	220	100,0
	Nữ	40,3	28,6	31,1	283	100,0
Học lực	Giỏi	43,3	27,6	29,1	134	100,0
	Khá	36,9	27,1	36,0	225	100,0
	Trung bình - Yếu	43,8	29,9	26,4	144	100,0
Thứ tự con trong GP	Con thứ 1	39,6	29,8	30,5	285	100,0
	Con thứ 2	44,2	24,4	31,4	172	100,0
	Con thứ 3	32,6	30,4	37,0	46	100,0
Tổng chung		40,6	28,0	31,4	503	100,0

Bảng 2 cho thấy, không có sự khác biệt rõ rệt trong TĐG của TN ở các nhóm khác nhau về TCDGT của mình đối với mẹ. HS lớn, HS có học lực yếu kém và HS là con cả TĐG mình có TCDGT với mẹ ở mức độ thấp nhiều hơn so với những HS học lớp nhỏ, là con út và những HS khá giỏi. Không có sự khác biệt quá lớn giữa HS ở các địa bàn khác nhau hay giữa HS nam và HS nữ về TCDGT với mẹ. Nhận định này được khẳng định rõ nét hơn khi quan sát biểu đồ 1.

Biểu đồ 1. ĐTB TCDGT của TN với mẹ
 (Xét theo các tiêu chí)



Biểu đồ 1 cho thấy, nhìn chung, TCDGT của TN với mẹ ở mức trung bình (ĐTB nằm trong khoảng từ $1,67 < < 2,34$). Các yếu tố: khối lớp, địa bàn, giới tính, học lực và thứ tự con không chỉ phối nhiều đến mức độ TCDGT của con đối với mẹ.

3) *Tính chủ động giao tiếp của TN với cha*

Theo TĐG của TN (bảng 3), ở hầu hết các tiêu chí, tỉ lệ TN TĐG mình có TCDGT với cha ở mức độ thấp chiếm khá đông, nhưng trong nhóm TCDGT ở mức cao lại có tỉ lệ khá ít. Đối chiếu với kết quả nghiên cứu TCDGT của con đối với mẹ, chúng tôi nhận thấy, có sự khác biệt khá rõ nét về tỉ lệ ở hai nhóm mức độ TCD

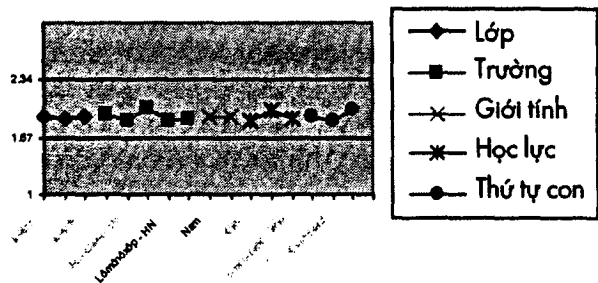
Bảng 3. TCDGT của TN với cha
 (xét theo các tiêu chí)

Các tiêu chí		TCDGT của TN với cha				
		Mức thấp	Mức TB	Mức cao	Tổng	
Lớp	Lớp 7	43,7	18,3	38,0	142	100,0
	Lớp 8	45,1	34,9	20,0	215	100,0
	Lớp 9	48,2	34,1	17,8	135	100,0
Trường	Nam Hồng	44,5	32,3	23,2	99	100,0
	Nga Sơn	49,0	28,9	22,1	104	100,0
	Nam Phong	38,5	28,1	33,3	96	100,0
	Lômônôxốp	47,8	33,7	18,5	92	100,0
	Trần Đăng Ninh	47,5	26,7	25,7	101	100,0
Giới	Nam	58,1	27,6	14,3	217	100,0
	Nữ	35,6	31,6	32,7	275	100,0
Học lực	Giỏi	46,6	18,3	35,1	131	100,0
	Khá	40,6	37,4	21,9	219	100,0
	Trung bình - Yếu	52,1	28,9	19,0	142	100,0
Thứ tự con trong GP	Con thứ 1	51,6	22,9	25,5	275	100,0
	Con thứ 2	32,7	43,9	23,4	171	100,0
	Con thứ 3	56,5	19,6	23,9	46	100,0
Tổng chung		45,5	29,9	24,6	492	100,0

cao và TCD thấp.

Để phân tích rõ hơn sự khác biệt về TCDGT với cha ở các nhóm TN khác nhau cũng như thấy được sự khác biệt giữa TCDGT của TN với cha và mẹ, chúng tôi tính ĐTB của TCDGT của TN với cha (biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: ĐTB TCDGT của TN với cha
 (xét theo các tiêu chí)



Quan sát biểu đồ 2, chúng tôi nhận thấy: TCDGT với cha của các nhóm TN đều ở mức trung bình. Có sự chênh lệch về ĐTB giữa các nhóm nhưng không có ý nghĩa thống kê.

Đối chiếu ĐTB TCDGT của TN với cha và với mẹ chúng tôi nhận thấy: nhìn chung, ĐTB của TCDGT với cha của TN ở các tiêu chí đều ở cận dưới của ĐTB (tiệm cận 1,67), nhưng ĐTB của TCDGT với mẹ ở các nhóm TN khác nhau đều tiệm cận 2,34 (cận trên của mức ĐTB). Kết quả này càng khẳng định sự khác biệt về TCD trong GT của TN với cha và mẹ.

So sánh biểu đồ 1 và 2 có thể thấy sự khác

biệt diễn ra rõ nét hơn ở 3 tiêu chí: giới tính, học lực và thứ tự con. Nếu như cả HS nam và HS nữ đều có TCDGT ở mức trung bình ($\bar{X} = 1,91$) trong GT với mẹ thì trong GT với cha các em nam chỉ ở mức độ thấp ($\bar{X} = 1,56$), còn ĐTB TCD của nữ trong GT với cha vẫn đạt 1,97 và sự khác biệt này là có ý nghĩa về mặt thống kê. TCDGT với cha có xu thế giảm dần ở những HS có học lực trung bình - yếu (HS giỏi $\bar{X} = 1,89$, HS khá $\bar{X} = 1,81$ và HS trung bình - yếu $\bar{X} = 1,67$). Đối với những HS là con út lại kém chủ động trong GT với cha. Kết quả này có phần đối lập với số liệu thu được về TCDGT của TN với mẹ, càng những TN là con út lại càng gần gũi với mẹ nhiều hơn.

Tim hiểu nguyên nhân của thực trạng trên, chúng tôi nhận thấy: - Về phía phụ huynh: họ cho rằng, hiện nay các em có quá nhiều mối quan tâm khác (học tập, bạn bè, các trò giải trí...) nên không có nhiều thời gian chia sẻ, tâm sự với cha mẹ. Tuy nhiên, đa số HS lại thừa nhận rằng các em ít chủ động GT với bố mẹ là do: - Cha mẹ và con không cùng thế hệ nên quan điểm, suy nghĩ khác nhau, dẫn đến không tìm thấy tiếng nói chung trong quá trình chia sẻ; - Cha mẹ luôn dùng quyền uy của mình để áp đặt suy nghĩ và hành vi của con cái khiến các em mặc cảm, tự ti; - Cha mẹ không có thời gian gần gũi con,...

3. Việc tìm hiểu TCDGT với cha mẹ của TN cho thấy, đa số khách thể được nghiên cứu có TCDGT với cha mẹ ở mức trung bình. TN có TCDGT với mẹ cao hơn so với cha nhưng sự khác biệt là không lớn. Không có sự khác biệt về mức độ chủ động trong GT của các nhóm TN với mẹ, nhưng lại có sự khác biệt trong GT của TN với cha. Những TN là nam, con út, học lực trung bình - yếu có mức độ chủ động GT với cha thấp hơn so với những em nữ, con cả hoặc học lực khá giỏi. HS cũng đã đưa ra nhiều lí do khiến chúng không chủ động hoặc thiếu đi TCD trong quan hệ GT với cha mẹ: vị thế của các em trong gia đình, cha mẹ bận rộn hoặc không quan tâm, hoặc chính trẻ cũng có những lí do riêng của mình. Nhưng hầu hết các em đều thừa nhận nếu cha mẹ gần gũi với con cái, chúng sẽ dễ dàng trao đổi, chủ động chia sẻ với cha mẹ nhiều hơn. □

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Công Hoàn. *Tâm lí học gia đình*. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 1993.
2. Lê Tiến Hùng. *Niềm vui của cha mẹ*. NXB Phụ nữ, H. 1978.
3. V.I. Lêbêdép. *Tâm lí xã hội trong quản lí*. NXB Sự thật, H. 1989.

4. Đức Minh. *Giáo dục gia đình và tuổi thiếu niên*. NXB Phụ nữ, H. 1977.

5. Phil McGraw. *Gia đình trên hết*. NXB Văn hóa thông tin, H. 2005.

SUMMARY

The article focuses to learn about the activeness of teenagers in the process of communicating with parents; pointing out the differences in activeness level of teenagers in different groups, the differences in the activeness of youth in the process of communication with parents.

Biện pháp kiểm tra toàn diện...

(Tiếp theo trang 10)

KTTD có vai trò quan trọng, bởi thông qua đó HT KT mọi hoạt động sư phạm, việc thực hiện quy chế chuyên môn của GV trong từng giai đoạn và cả năm học; đánh giá được chuyên môn thường xuyên của từng GV, duy trì nền nếp thực hiện quy chế chuyên môn của nhà trường nói chung và của mỗi GV nói riêng. Biện pháp KTTD cũng bộc lộ một số tồn tại nhất định đó là: KTTD khó có thể đánh giá được chính xác bởi đối tượng KT có thể chuẩn bị tốt khi kế hoạch đã được công khai nên không phản ánh được thực chất chuyên môn của mỗi GV. Chính vì vậy cần có sự kết hợp với các hình thức KT khác thì kết quả KT, chất lượng chuyên môn của GV mới được tăng cường và không ngừng nâng cao. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Thông tư số 43/2006/TT-BGDĐT ngày 20/10/2006 "Hướng dẫn thanh tra toàn diện nhà trường, cơ sở giáo dục khác và thanh tra hoạt động sư phạm của nhà giáo"
2. Chỉ thị 3399/CT-BGD&ĐT ngày 16/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2010-2011 và chương trình thanh tra của thanh tra Bộ Giáo dục & Đào tạo.
3. Bộ GD-ĐT. "Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thanh tra năm học 2011-2012" (số 5859/BGDĐT-TTr ngày 5/9/2011).

SUMMARY

Comprehensive examination of teachers has an important significance: helping principals accurately and objectively examine information on specialized activities and quality of implementing the regulation of specialized affair of teachers... At the same time, it can also help teachers self-adjust the implementation the regulation of specialized affair and improve their own teaching capacity. The article presents several measures of comprehensive examination of specialized affair for principals of primary schools in Tu Ky district - Hai Duong.